

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Mã số: 7340101
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để ra quyết định quản trị và vận hành doanh nghiệp hiệu quả phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên sau từ 2 đến 3 năm tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

PO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên và các kiến thức chung về quản lý, kinh tế vào giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

PO2: Áp dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh trong tổ chức và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp hoặc tự khởi sự kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh của bản thân.

PO3: Thực hiện được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí việc làm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO4: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế vào giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh

PLO3: Vận dụng được các kiến thức về quản trị tác nghiệp, quản trị lĩnh vực hoạt động vào thực tiễn của doanh nghiệp

PLO4: Phân tích được chiến lược kinh doanh và sự đóng góp của các chiến lược chức năng vào việc thực thi chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

Định hướng đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (Module 1)

PLO5.01: Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Định hướng đào tạo: Quản trị bán hàng (Module 2)

PLO5.02: Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị bán hàng nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp

Định hướng đào tạo: Quản trị nhân lực (Module 3)

PLO5.03: Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực nhằm thực thi hiệu quả các hoạt động chức năng của quản trị nhân lực trong bối cảnh doanh nghiệp

PLO6: Sử dụng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết vấn đề chuyên môn

PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PLO8: Sử dụng được duy phản biện, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin, những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn

PLO10: Thực hiện được kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động

PLO11: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Nhóm chuyên viên kinh doanh, bán hàng: nhân viên kinh doanh, trưởng cửa hàng bán lẻ, giám sát bán hàng.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng kinh doanh, giám đốc bán hàng vùng/khu vực, giám đốc phụ trách kinh doanh.v.v.;

- Nhóm chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh; lập kế hoạch tài chính, sản xuất, marketing, nhân sự; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh; hỗ trợ trong giao dịch kinh doanh và sắp xếp công tác cho lãnh đạo; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phụ trách các phòng ban chức năng, giám đốc phụ trách bộ phận, giám đốc/tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp;

- Nhóm chuyên viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: chuyên viên kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng và năng suất, quản đốc phân xưởng sản xuất, chuyên viên điều phối kho vận, mua sắm và quản lý hàng tồn kho, chuyên viên marketing, chuyên viên R&D, trưởng nhóm tiếp thị, chuyên viên nhân sự, chuyên viên phân tích tài chính và đầu tư, chuyên viên quản lý dự án.v.v.; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng chức năng, giám đốc phụ trách các lĩnh vực chức năng trong doanh nghiệp, giám đốc/tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn;

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp: có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

- Nhóm chuyên viên nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thị trường: chuyên viên nghiên cứu quản trị kinh doanh, phân tích dự báo thị trường, quản lý thị trường tại các viện nghiên cứu tư vấn chính sách và kinh doanh/ cơ quan quản lý thị trường; trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn về quản trị kinh doanh tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ và các tập đoàn kinh tế.

Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp mà cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ đảm nhận những vị trí công việc nào tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

○ **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:

- *Nhân viên kinh doanh*

- VUC

- **Sau 10 năm**, với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động trị liệu hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp cơ sở, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh là:

- ## 2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

[illegible]

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (*Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)*)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - *Phần lý thuyết* 69 tín chỉ
 - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* 20 tín chỉ
 - *Khoá luận tốt nghiệp* 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (<i>chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP</i>)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002378	2. Toán ứng dụng cho kinh tế	KHUĐ	3	(36,18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15,0,30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37,16,0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22,16,0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7,16,0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4,56,0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		27		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		23		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
001201	3. Quản trị học	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001104	4. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000519	5. Văn hoá kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
001109	7. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
001717	8. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39,12,90)	x
000568	9. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)		4		
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
002552	3. Hành vi tổ chức	QT&MAR	2	(26,8,60)	
000480	4. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26,8,60)	
001619	5. Kế toán quản trị	KT	2	(26,8,60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		46		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		31		
000497	1. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000970	2. Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001427	3. Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001392	4. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001324	5. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001345	6. Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000514	7. Thực hành quản trị tài chính	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001373	8. Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
001349	9. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001426	10. Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001106	11. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		15		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001607	4. Quản trị Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002568	6. Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001105	7. Tin ứng dụng ngành quản trị kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001601	8. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(36,18,90)	
001371	9. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001617	10. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36,18,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Module)		25		
	2.3.1. Module 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		25		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001253	2. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
001893	4. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0,150,0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001288	1. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001612	2. Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
001289	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.3.2. Module 2: Quản trị bán hàng		25		
002719	1. Quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002101	2. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
002720	4. Thực hành quản trị bán lẻ	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0,150,0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002384	1. Digital marketing	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002381	2. Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002057	3. Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
	2.3.3. Module 3: Quản trị nhân lực		25		
002721	1. Tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002722	2. Phát triển nguồn nhân lực	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0,60,60)	x
002723	4. Thực hành tuyển dụng nhân lực	QT&MAR	3	(0,90,90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0,150,0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0,270,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002724	1. Quan hệ lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	x
002725	2. Tổ chức và định mức lao động	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002726	3. Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(36,18,90)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.
- Quy định thực hiện các học phần:
 - Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
 - Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long